

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2019/HNGĐ-ST

Ngày 02/4/2019

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Vân.

2. Ông Lương Thanh Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989. Có mặt.

HKTT: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn H, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Trần Văn S tháng 01/2009, trước khi cưới có tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay có thời gian hòa thuận nay có 01 con chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S thường xuyên chơi cờ bạc và ảnh hưởng đến tài sản của gia đình, ngoài ra trong thời gian chị T mang thai anh S nhiều lần có hành động bạo lực gia đình, không có trách nhiệm với vợ con. Sau khi chị T sinh con anh S vẫn không thay đổi tính cách và vẫn thường xuyên chơi cờ bạc. Do không chấp nhận được cuộc sống

như vậy chị T đã bỏ về nhà để ở khoảng giữa năm 2010 cho đến nay không quay lại chung sống cùng anh S nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị được ly hôn anh S.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Văn T, sinh ngày 21/9/2009 nay đang ở với anh S và gia đình đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn chị T tự nguyện để cho anh S được nuôi con chung của vợ chồng, nếu anh S yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chị T cũng nhất trí.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì. Sau khi ly hôn không yêu cầu toà án giải quyết.

Đối với anh Trần Văn S: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh S và nhiều lần triệu tập đến Tòa án để hòa giải nhưng anh S không đến và thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh S thì được bà Đỗ Thị H là mẹ đẻ anh S cho biết gia đình có nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của tòa án và bà H đã thông báo cho anh S biết nhưng anh S không về, quan điểm của anh S và gia đình xác định vợ chồng đã không ăn ở với nhau gần 10 năm nay nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn theo quy định của pháp luật. Con chung của vợ chồng hiện vẫn ở với anh S và gia đình, sau khi ly hôn đề nghị Tòa án giao con cho anh S nuôi, việc cấp dưỡng là do chị T tự nguyện, gia đình không yêu cầu.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì.

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu.

Tại phiên tòa anh S vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí; Xử:

-Quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn S.

-Con chung: Giao cho anh Trần Văn S được nuôi con chung của vợ chồng là Trần Văn T, sinh ngày 21/9/2009. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Văn S.

-Chị T phải chịu án ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn S hiện đang cư trú tại thôn K, xã T, huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Anh Trần Văn S đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại khoản 3 Điều 228- BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20/01/2009 tại UBND xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh được xác nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T thấy: Sau khi kết hôn chị T và anh S đã có thời gian chung sống hạnh phúc và đã có 01 con chung, trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị T trình bày là do anh S hay chơi cờ bạc không tu trí làm ăn và còn có hành động bạo lực gia đình, do không chấp nhận được cuộc sống như vậy nên chị T đã về nhà đẻ ở từ giữa năm 2010 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo phiên hòa giải cho anh S do bà Đỗ Thị H (mẹ đẻ anh S) nhận thay nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa hai bên được. Qua xác minh tại địa phương thì thấy hiện nay anh S thường xuyên vắng nhà, thi thoảng có về thăm con xong lại đi, anh S đã biết việc chị T xin ly hôn nhưng không đến tòa án làm việc, việc anh S không đến chỉ là gây khó khăn cho chị T trong việc giải quyết ly hôn. Chị T và anh S hai bên đã chấm dứt quan hệ vợ chồng thời gian đã lâu, chị T không có nguyện vọng đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn S là phù hợp pháp luật.

[3] Xét yêu cầu nuôi con chung của hai bên thấy rằng: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Văn T, sinh ngày 21/9/2009 nay đang ở với anh S và gia đình, sau khi ly hôn chị T tự nguyện để cho anh S được nuôi con chung của vợ chồng. Xét việc chị T để cho anh S nuôi con chung của vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, đồng thời nguyện vọng của cháu Trần Văn T cũng muốn ở với anh S, vì vậy giao cho anh Trần Văn S nuôi con chung của vợ chồng là phù hợp. Do chưa lấy được lời khai của anh S nên không có căn cứ buộc chị T cấp dưỡng nuôi con cho anh S, khi nào anh S có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Chị Nguyễn Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí; Xử:

-Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn S.

-Con chung: Giao cho anh Trần Văn S được nuôi con chung của vợ chồng là Trần Văn T, sinh ngày 21/9/2009. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Văn S.

Chị Nguyễn Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

-Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 05190 ngày 30/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. (Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí).

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- CCTHADS huyện Việt Yên;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Vũ Văn Hợp